

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ HUNG DAT
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ HUNG DAT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HUNG DAT TRADING SERVICES INVESTMENT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: CTY HUNG DAT

2. Mã số doanh nghiệp: 0109860162

3. Ngày thành lập: 16/12/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 87 phố Vương Thừa Vũ, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 02435430710

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
2.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Dịch vụ tư vấn bất động sản - Dịch vụ quản lý bất động sản - Dịch vụ môi giới bất động sản	6820
3.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);	6619
4.	Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);	7020
5.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
6.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động thiết kế trang trí nội thất.	7410
7.	Xây dựng nhà để ở	4101
8.	Xây dựng nhà không để ở	4102
9.	Xây dựng công trình đường bộ	4212

10.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
11.	Xây dựng công trình điện	4221
12.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
13.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
14.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
15.	Xây dựng công trình thủy	4291
16.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
17.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
18.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
19.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
20.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
21.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
22.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng Chi tiết: Sản xuất thiết bị dụng cụ y tế, nha khoa	3250
23.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn quặng kim loại; Bán buôn sắt, thép; Bán buôn kim loại khác (trừ kinh doanh vàng miếng; quặng uranium và quặng thorium)	4662
24.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
25.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao; Bán buôn đồng hồ đeo tay, đồng hồ treo tường; Bán buôn máy giặt máy lạnh, tủ lạnh, quạt điện, nồi cơm điện, ấm đun nước dùng điện, lò vi sóng bán lẻ sấy tóc, phích điện, quạt	4649
26.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ đồ ngũ kim trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi, sắt thép và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752

27.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn gỗ cây, tre, nứa;- Bán buôn sản phẩm gỗ sơ chế;- Bán buôn sơn và véc ni;- Bán buôn vật liệu xây dựng như: cát, sỏi;- Bán buôn giấy dán tường và phủ sàn;- Bán buôn kính phẳng; Bán buôn thiết bị vệ sinh	4663
28.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); Bán buôn máy móc, thiết bị y tế	4659
29.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket); Bán lẻ trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp khác; Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket)	4719
30.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
31.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
32.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa	8299
33.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641(Chính)
34.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
35.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
36.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
37.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
38.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
39.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất nhãn hiệu, băng rôn...; Sản xuất nỉ; Sản xuất vải quần áo dễ co giãn; Sản xuất màn tuyn và các màn bằng vải khác, sản xuất viền đăng ten cuộn, đăng ten mảnh, dải hoặc mẫu ten rời để trang trí; Sản xuất vải lót máy móc	1709
40.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1399
41.	Sản xuất sợi nhân tạo	2030
42.	Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú	1511
43.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
44.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
45.	Sản xuất sợi	1311
46.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
47.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313

48.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
49.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
50.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
51.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1394
52.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620
53.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
54.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
55.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
56.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
57.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm	7810
58.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: Hoạt động dịch vụ việc làm	7830
59.	Đại lý du lịch	7911
60.	Điều hành tua du lịch Chi tiết: - Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; - Kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế	7912
61.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ hoạt động đấu giá hàng hóa)	4742
62.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
63.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
64.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh quán bar)	5630
65.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (Không bao gồm kinh doanh bán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường)	5621
66.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn; Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
67.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép; Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại; Bán buôn cao su; Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp); Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp	4669

68.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan; Bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan; Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác	4661
69.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
70.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
71.	Sản xuất điện Chi tiết: Điện mặt trời	3511
72.	Truyền tải và phân phối điện (trừ truyền tải và điều độ hệ thống điện quốc gia)	3512
73.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
74.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa; Môi giới mua bán hàng hóa (trừ đấu giá hàng hóa)	4610
75.	Sản xuất giày, dép	1520
76.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
77.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
78.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
79.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển; - Logistics - Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan - Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay (trừ hoạt động kinh doanh vận tải hàng không)	5229
80.	Cho thuê xe có động cơ Chi tiết: Cho thuê ô tô	7710
81.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
82.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Không bao gồm hoạt động báo chí)	8230
83.	Quảng cáo (Trừ loại Nhà nước cấm)	7310
84.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
85.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721

86.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ loại Nhà nước cấm)	4620
87.	Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì	4631
88.	Bán buôn thực phẩm	4632
89.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket); Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket); Bán lẻ trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp khác	4711
90.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
91.	Đào tạo sơ cấp	8531
92.	Đào tạo trung cấp	8532
93.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
94.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
95.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
96.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
97.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
98.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu (Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của Pháp luật)	9329
99.	Hoạt động của các cơ sở thể thao (Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của Pháp luật)	9311
100.	Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao (Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của Pháp luật)	9312
101.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Trừ hoạt động kinh doanh bất động sản)	5210
102.	Bốc xếp hàng hóa	5224
103.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
104.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
105.	Khai thác quặng sắt	0710

6. Vốn điều lệ: 1.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

Thời gian đăng từ ngày 17/12/2021 đến ngày 16/01/2022

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	DƯƠNG TRÍ THẮNG	Việt Nam	Số 32, tổ 17, đường Khuyển Lương, Phường Trần Phú, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	500.000.000	50,000	012173294	
2	TRƯƠNG THỊ HUỆ	Việt Nam	Thôn Thái Sơn, Xã Cẩm Tú, Huyện Cẩm Thủy, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam	500.000.000	50,000	173960793	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: DƯƠNG TRÍ THẮNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 08/03/1974

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 012173294

Ngày cấp: 19/04/2012

Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Địa chỉ thường trú: Số 32, tổ 17, đường Khuyển Lương, Phường Trần Phú, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 32, tổ 17, đường Khuyển Lương, Phường Trần Phú, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội